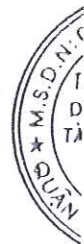


CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

*Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016
đã được soát xét*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

Địa chỉ: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 50

==
:50
:01
HN
+ V
HN
· KIẾ
HÍ/
· T.F
==

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015 và lần thứ 27 ngày 02/10/2015.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2016 là: **2.199.398.670.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, ...

3. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột mịn; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; ...

4. Cấu trúc của Công ty

Tổng số công ty con: 03 Công ty con

+ Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03 Công ty

+ Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất :

- Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc

+ Địa chỉ : Số 81 Hùng Vương, Khu Phố 5, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang

+ Vốn điều lệ : 61.000.000.000 VND

+ Vốn thực góp : 61.000.000.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 99%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 99%

729
T
H
T
K
T
T
Y
M
C

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát
- + Địa chỉ : 09 Nguyễn Kim, P.12, Quận 5, Tp.HCM
- + Vốn điều lệ : 34.500.000.000 VND
- + Vốn thực góp : 34.500.000.000 VND
- + Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 66%
- + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 66%

- Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp
- + Địa chỉ: Số 06, Đỗ Công Tường, Phường 2, Tp Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- + Vốn điều lệ : 51.102.520.000 VND
- + Vốn thực góp : 51.102.520.000 VND
- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 81%
- + Quyền biểu quyết : 81%

Đầu tư liên doanh liên kết:

- + Công ty CP Đầu Tư Tài Chính Và Truyền Thông Quốc Tế.
- + Địa chỉ : Lô 10 Đường 6 Khu đô thị Sao Mai, Xuân Hòa, Tịnh Biên, An Giang
- + Vốn điều lệ : 10.000.000.000 VND
- + Vốn thực góp : 5.000.000.000 VND
- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty : 35%
- + Tỷ lệ quyền biểu quyết : 35%

- + Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia
- + Địa chỉ : Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
- + Vốn điều lệ : 1.816.096.710.000 VND
- + Vốn thực góp : 1.816.096.710.000 VND
- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty : 39%
- + Tỷ lệ quyền biểu quyết : 39%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30/06/2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 30/06/2016 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Lê Thanh Thuận	Chủ tịch
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông:	Lê Văn Chung	Thành viên
Ông:	Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông:	Lê Văn Thùy	Thành viên
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông:	Lê Văn Lâm	Thành viên
Bà:	Võ Thị Hồng Tâm	Thành viên
Bà:	Lê Thị Nguyệt Thu	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Thanh Thuận	Tổng Giám đốc
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Lê Thị Nguyệt Thu	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Lê Thị Phượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Nguyễn Hoàng Sang	Giám Đốc Tài Chính

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Trương Công Khánh	Trưởng ban
Bà:	Lê Thị Tính	Ủy viên
Ông:	Lê Thanh Hành	Ủy viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Thanh Thuận

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Hoàng Sang

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty.

Long Xuyên, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch



LÊ THANH THUẬN

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



LÊ THANH THUẬN

Số : 588A/BCKT/TC/2016/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được lập ngày 29 tháng 07 năm 2016, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét/số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2016

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Tổng giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

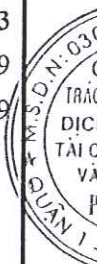
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0064-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.904.204.707.845	3.057.128.120.453
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	408.201.605.344	472.339.566.075
111	1. Tiền		54.305.806.528	80.142.651.139
112	2. Các khoản tương đương tiền		353.895.798.816	392.196.914.936
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	12.310.000.000	
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		12.310.000.000	
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.177.376.408.975	1.572.441.057.813
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	467.918.103.496	362.280.763.909
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		481.098.116.181	1.031.044.021.159
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		1.000.000.000	
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	227.345.404.369	179.106.631.938
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		14.784.929	9.640.807
140	IV. Hàng tồn kho	V.05	1.282.879.069.678	1.005.217.662.090
141	1. Hàng tồn kho		1.282.879.069.678	1.005.217.662.090
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		23.437.623.848	7.129.834.475
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.10	1.748.115.084	192.002.512
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	V.13	18.842.157.112	4.541.991.861
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	2.847.351.652	2.395.840.102
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.400.617.949.198	851.373.814.110
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		850.379.065	848.337.884
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		44.500.000	44.500.000
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	3. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	805.879.065	803.837.884
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		146.987.933.942	141.726.532.527
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	116.511.330.838	111.249.929.423
222	- Nguyên giá		162.593.323.392	153.766.616.301
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(46.081.992.554)	(42.516.686.878)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.08	30.476.603.104	30.476.603.104
228	- Nguyên giá		30.476.603.104	30.476.603.104
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	III. Bất động sản đầu tư	V.09	47.744.743.813	47.884.453.137
231	- Nguyên giá		52.563.289.787	52.489.956.454
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.818.545.974)	(4.605.503.317)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		51.697.679.793	51.697.679.793
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.06	51.697.679.793	51.697.679.793
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	870.050.194.174	310.885.253.856
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		816.211.320.684	265.747.841.810
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		40.060.000.000	40.060.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(2.031.126.510)	(32.587.954)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15.810.000.000	5.110.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		283.287.018.411	298.331.556.913
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	20.721.849.259	18.551.828.763
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		4.951.034.287	1.637.141.092
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại	V.10	257.614.134.865	278.142.587.058
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.304.822.657.043	3.908.501.934.563

0117
NG
HIỆP
VỤ TI
NH KẾ
IỂM T
IA NA
PHỔ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.790.275.929.149	1.472.343.617.299
310	I. Nợ ngắn hạn		1.257.548.682.881	933.396.244.244
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	206.059.371.951	91.682.699.532
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		449.078.190.339	262.021.416.318
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	25.274.191.500	16.186.248.345
314	4. Phải trả người lao động		853.399.095	848.661.788
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		2.318.858.874	206.630.900
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		39.002.416.576	32.771.588.403
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	91.591.704.605	56.978.712.455
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.11	431.591.461.275	462.259.616.206
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.779.088.666	10.440.670.297
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		532.727.246.268	538.947.373.055
331	1. Phải trả người bán dài hạn		329.676.689	329.676.689
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.15	12.597.663.002	7.429.062.147
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.14	2.724.499.019	3.027.537.019
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.11	517.075.407.558	528.161.097.200
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.16	2.514.546.727.894	2.436.158.317.264
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.514.546.727.894	2.436.158.317.264
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.199.398.670.000	2.199.398.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.199.398.670.000	2.199.398.670.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.056.200.000	45.056.200.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		35.601.244.042	29.741.625.938
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.971.647.795	4.971.647.795
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		217.413.476.641	145.064.513.594
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		137.739.990.964	69.390.533.016
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		79.673.485.677	75.673.980.578
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		12.105.489.416	11.925.659.937
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.304.822.657.043	3.908.501.934.563

Long Xuyên, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGÔ THỊ TỐ NGÂN



NGUYỄN HOÀNG SANG



LÊ THANH THUẬN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	459.830.275.475	420.307.551.344
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	24.744.380.303	56.124.173.277
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		435.085.895.172	364.183.378.067
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	312.235.231.170	302.695.240.120
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		122.850.664.002	61.488.137.947
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	3.208.640.533	5.804.856.004
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	16.551.061.192	6.159.564.983
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		13.952.438.560	10.118.375.343
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết	VI.06	33.043.630.453	1.534.690.605
25	9. Chi phí bán hàng	VI.06	11.517.061.120	11.496.985.673
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	32.296.859.142	21.108.933.087
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		98.737.953.534	30.062.200.813
31	12. Thu nhập khác	VI.07	1.006.422.747	770.936.539
32	13. Chi phí khác	VI.08	2.218.868.576	129.875.184
40	14. Lợi nhuận khác		(1.212.445.829)	641.061.355
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		97.525.507.705	30.703.262.168
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	22.620.479.416	7.260.392.202
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.11	(4.948.286.867)	(1.635.931.083)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		79.853.315.156	25.078.801.049
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		79.673.485.677	24.950.967.041
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		179.829.479	127.834.008
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.12	362	233
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.13		221

Long Xuyên, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc





NGÔ THỊ TÔ NGÂN

NGUYỄN HOÀNG SANG

LÊ THANH THUẬN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		97.525.507.705	30.703.262.168
	1. Lợi nhuận trước thuế			
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		3.778.348.333	2.357.720.873
03	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		1.998.538.556	(33.297.239)
04	2. Các khoản dự phòng			
05	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.724.057)	(388.864.514)
06	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.827.559.821)	(1.549.670.813)
07	5. Chi phí lãi vay		13.952.438.560	10.118.375.343
08	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		114.422.549.276	41.207.525.818
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		395.985.607.657	58.402.025.542
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(277.661.407.588)	(104.171.134.877)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		298.275.621.358	(31.628.466.336)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.726.133.068)	(5.886.930.285)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(18.082.800.222)	(10.118.375.343)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.979.942.066)	(2.410.466.387)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			45.741.033.927
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		499.233.495.347	(8.864.787.941)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.549.551.182)	
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.022.948	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(29.120.000.000)	(5.110.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.110.000.000	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(571.731.890.000)	(186.404.780.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		75.000.000.000	165.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.830.321.448	1.573.030.792
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(521.460.096.786)	(24.941.749.208)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		603.356.175.275	514.910.873.723
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(645.110.019.848)	(815.378.257.718)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(178.792.986)	(27.001.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(41.932.637.559)	(300.494.384.995)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(64.159.238.998)	(334.300.922.144)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		472.339.566.075	389.731.896.437
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		21.278.267	1.483.691
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		408.201.605.344	55.432.457.984

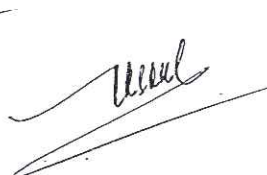
Long Xuyên, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGÔ THỊ TỐ NGÂN

NGUYỄN HOÀNG SANG



LÊ THANH THUẬN

M.S.D.N.
 QUẢN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015 và lần thứ 27 ngày 02/10/2015.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2016 là: **2.199.398.670.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, ...

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột matít; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; ...

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Tổng số các Công ty con

+ Số lượng Công ty con được hợp nhất: 03 Công ty con

+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

- Danh sách công ty con được hợp nhất bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
- Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc	Số 81 Hùng Vương, Khu Phố 5, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang	99%	99%
- Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	Số 09 Nguyễn Kim, P.12, Quận 5, Tp.HCM	66%	66%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	Số 06, Đổ Công Tường, Phường 2, Tp Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.	81%	81%
- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:			
<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Quyền biểu quyết</u>
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính Và Truyền Thông Quốc Tế.	Lô 10 Đường 6 Khu đô thị Sao Mai, Xuân Hòa, Tịnh Biên, An Giang	35%	35%
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	39%	39%

II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, thông tư 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư, văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

+ Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

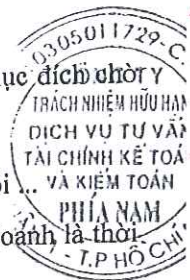
Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

+ Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn
Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty phản ánh khoản vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn góp vào Công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của Công ty liên doanh, liên kết khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và sử dụng chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty mẹ trong trường hợp cần thiết.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết: Đối với khoản dự phòng đầu tư tài chính được trích lập trong kỳ liên quan đến khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết của Công ty. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, được thực hiện điều chỉnh giảm để loại trừ số dự phòng được trích lập trong kỳ.

+ Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được thể hiện theo nguyên giá, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua phát sinh liên quan.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư:

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập khi Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá trị hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phát sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

05011
CÔNG
CƠ NHÌEM
CH VỤ T
CHÍNH Y
A KIỂM
PHÍA N
T.P.H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

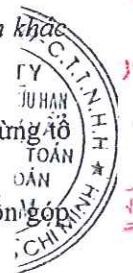
- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;

- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

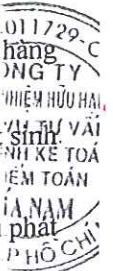
Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Giao dịch hợp nhất qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ và công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc: Khi đạt được quyền kiểm soát đối với công ty con, trên Báo cáo tài chính hợp nhất công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày kiểm soát công ty con. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: Khi đạt được quyền kiểm soát, trên Báo cáo tài chính hợp nhất công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị khoản đầu tư theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; Phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào các chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Nếu thời điểm thoái vốn cách xa thời điểm lập báo cáo: Do công ty con đã trở thành công ty liên kết nên trên Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ không tiếp tục hợp nhất toàn bộ công ty con mà chỉ hợp nhất kết quả của công ty con kể từ đầu kỳ đến thời điểm thoái vốn.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của tập đoàn cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền mặt	24.150.301.740	16.784.470.365
Tiền gửi không kỳ hạn	30.155.504.788	63.358.180.774
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	353.895.798.816	392.196.914.936
- Tiền gửi có kỳ hạn		
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	353.895.798.816	392.196.914.936
Cộng	408.201.605.344	472.339.566.075

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngắn hạn	12.310.000.000	12.310.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	12.310.000.000	12.310.000.000
- Các khoản đầu tư khác		
b2) Dài hạn	15.810.000.000	15.810.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	15.810.000.000	15.810.000.000

c) Đầu tư Công ty liên doanh liên kết

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý
Đầu tư Công ty liên doanh liên kết	816.211.320.684	428.078.268.000	265.747.841.810	196.560.744.300
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	816.211.320.684	428.078.268.000	265.747.841.810	196.560.744.300

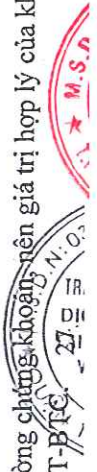
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính Và Truyền Thông Quốc Tế. (**)

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	40.060.000.000	34.650.000.000	40.060.000.000	(32.587.954)
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính (*)	8.060.000.000	(31.126.510)	8.060.000.000	(32.587.954)
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	15.000.000.000	34.650.000.000	15.000.000.000	82.500.000.000
+ Công ty CP Nhựt Hồng (*)	15.000.000.000		15.000.000.000	
+ Công ty CP Bóng Đá Đồng Tháp (*)	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	

Ghi chú:

(*) Do các công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Tóm tắt hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

- Công ty liên kết

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính Và Truyền Thông Quốc Tế.	35%	35%	2.053.208	(6.757.841.819)
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	39%	39%	165.650.676.246	81.891.945.208

Các giao dịch chủ yếu giữa doanh nghiệp với công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ
Xem chi tiết thuyết minh VIII.03

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	467.918.103.496	362.280.763.909
+ Công ty CP ĐT & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	96.343.270.195	1.523.316.675
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư tài chính	18.686.176.000	21.520.384.000
+ Công ty CP SATRA Thái Sơn	5.099.560.000	5.099.560.000
+ Khách hàng khác	347.789.097.301	334.137.503.234
b) Dài hạn		
Cộng	467.918.103.496	362.280.763.909

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
+ Công ty CP ĐT & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	Công ty liên kết	96.343.270.195	1.523.316.675

04 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Gía trị	Dự phòng	Gía trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	227.345.404.369		179.106.631.938	
Tạm ứng	130.952.965.059		112.831.483.035	
Phải thu người lao động				
Ký cược, ký quỹ	547.680.000		547.680.000	
Các khoản chi hộ				
Phải thu khác	95.844.759.310		65.727.468.903	
b) Dài hạn	805.879.065		803.837.884	
Phải thu khác	805.879.065		803.837.884	
Cộng	228.151.283.434		179.910.469.822	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

05 . HÀNG TỒN KHO	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	36.197.981.957		1.000.922.558	
- Công cụ, dụng cụ				
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	308.238.604.009		86.700.840.433	
- Thành phẩm			139.000.000	
- Hàng hóa	938.425.743.712		917.360.159.099	
- Hàng gửi đi bán	16.740.000		16.740.000	
- Hàng hóa kho bảo thuế				
Cộng	1.282.879.069.678		1.005.217.662.090	

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Xem TM VIII.6.d

06 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Ghi chú: Nêu lý do vì sao không hoàn thành trong một chu kỳ SXKD thông thường.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2016	01/01/2016
Xây dựng cơ bản	51.697.679.793	51.697.679.793
- Đường GTGT BK3	1.147.923.083	1.147.923.083
- Khu dân cư Hoà Bình	1.653.591.160	1.653.591.160
- Khu văn phòng và nhà ở cao tầng - HCM	47.380.200.000	47.380.200.000
- Công trình Cần Bình Thạnh - Huyện Cao Lãnh	462.649.706	462.649.706
- Khu Đô Thị Mỹ Tho	882.034.099	882.034.099
- Thiết kế nhà Sadec	73.535.298	73.535.298
- Khu dân cư Chợ Vàm		
- Công trình khác	97.746.447	97.746.447
Cộng	51.697.679.793	51.697.679.793



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

07 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

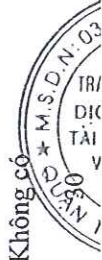
Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	135.851.379.155	4.837.521.797	7.396.615.961	2.182.846.389	3.498.252.999	153.766.616.301
2. Số tăng trong kỳ	42.718.182	42.718.182	8.699.988.909	84.000.000		8.826.707.091
- Mua trong kỳ		42.718.182	8.699.988.909	84.000.000		8.826.707.091
- Đầu tư XD CB hoàn thành						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	135.851.379.155	4.880.239.979	16.096.604.870	2.266.846.389	3.498.252.999	162.593.323.392
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ	33.663.626.932	2.559.761.194	4.586.771.417	1.277.580.177	428.947.158	42.516.686.878
2. Khấu hao trong kỳ	2.256.851.521	229.305.959	817.299.621	210.714.463	51.134.112	3.565.305.676
- Khấu hao trong kỳ	2.256.851.521	229.305.959	817.299.621	210.714.463	51.134.112	3.565.305.676
- Tăng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối kỳ	35.920.478.453	2.789.067.153	5.404.071.038	1.488.294.640	480.081.270	46.081.992.554
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	102.187.752.223	2.277.760.603	2.809.844.544	905.266.212	3.069.305.841	111.249.929.423
2. Tại ngày cuối kỳ	99.930.900.702	2.091.172.826	10.692.533.832	778.551.749	3.018.171.729	116.511.330.838

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 28.034.296.717 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.261.671.574 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

08 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu kỳ	30.476.603.104					30.476.603.104	
2. Số tăng trong kỳ							
- Mua trong kỳ							
- Tặng khác							
3. Số giảm trong kỳ							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ	30.476.603.104					30.476.603.104	
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu kỳ	30.476.603.104					30.476.603.104	
2. Khấu hao trong kỳ							
- Khấu hao trong kỳ							
- Tặng khác							
3. Giảm trong kỳ							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ	30.476.603.104					30.476.603.104	
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu kỳ							
2. Tại ngày cuối kỳ							

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 11.759.577.189 VND.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 VND

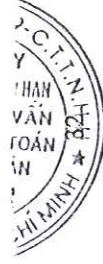
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

09. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	01/01/2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2016
a, Bất động sản đầu tư cho thuê				
I. Nguyên giá	52.489.956.454	73.333.333		52.563.289.787
- Quyền sử dụng đất	46.881.856.194			46.881.856.194
- Nhà	5.608.100.260	73.333.333		5.681.433.593
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
II. Giá trị hao mòn lũy kế	4.605.503.317	213.042.657		4.818.545.974
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	4.605.503.317	213.042.657		4.818.545.974
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
III. Giá trị còn lại	47.884.453.137			47.744.743.813
- Quyền sử dụng đất	46.881.856.194			46.881.856.194
- Nhà	1.002.596.943			862.887.619



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	1.748.115.084	192.002.512
Công cụ, dụng cụ xuất dùng		192.002.512
Các khoản khác	1.748.115.084	
b) Dài hạn	20.721.849.259	18.551.828.763
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.016.396.653	5.345.311.528
Các khoản khác	16.705.452.606	13.206.517.235
b) Lợi thế thương mại	257.614.134.865	278.142.587.058
Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua Công ty con	257.614.134.865	278.142.587.058
Cộng	280.084.099.208	296.886.418.333

11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Trong kỳ			Số có khả năng trả nợ
	30/06/2016	Tăng	Giảm	
a) Vay ngắn hạn	Giá trị			Giá trị
Vay ngắn hạn - VND	431.591.461.275	484.465.071.275	515.133.226.206	462.259.616.206
Ngân hàng BIDVKG	81.000.000.000	118.500.000.000	111.000.000.000	73.500.000.000
Ngân hàng Ngoại thương An Giang	7.827.839.590	6.527.839.590	6.482.102.900	7.782.102.900
Ngân hàng BIDVKNKN	129.700.000.000		15.268.369.080	144.968.369.080
Ngân hàng Việt Á CN SG	88.954.900.000	179.373.550.000	185.577.476.000	95.158.826.000
Ngân hàng Phát Triển AG				
Ngân hàng Tiên Phong	98.930.291.685	145.035.251.685	145.347.205.000	99.242.245.000
Ngân hàng VP Bank TP HCM	22.928.430.000	35.028.430.000	50.428.073.226	38.328.073.226
Vay đối tượng khác	2.250.000.000		1.030.000.000	3.280.000.000
Vay ngắn hạn - USD				
Cộng	431.591.461.275	484.465.071.275	515.133.226.206	462.259.616.206



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

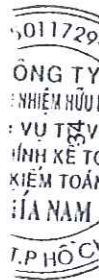
Đơn vị tính: VND

b) Vay dài hạn	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm	508.910.277.558	508.910.277.558	118.891.104.000	129.976.793.642	519.995.967.200	519.995.967.200
Ngân hàng Á Châu - AG	215.185.514.800	215.185.514.800		31.702.000.000	246.887.514.800	246.887.514.800
Ngân hàng TMCP Bản Việt - AG	12.500.000.000	12.500.000.000		3.125.000.000	15.625.000.000	15.625.000.000
Ngân hàng TMCP Liên Việt AG	89.577.750.000	89.577.750.000		9.002.250.000	98.580.000.000	98.580.000.000
Ngân hàng Ngoại thương AG	33.046.822.800	33.046.822.800		6.490.000.000	39.536.822.800	39.536.822.800
Ngân hàng TMCP Phương Đông AG				5.880.000.000	5.880.000.000	5.880.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong AG	16.000.000.000	16.000.000.000		6.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Ngân hàng Ngoại thương CN Đồng Tháp	473.558.200	473.558.200		100.000.000	573.558.200	573.558.200
Ngân đối tượng khác	142.126.631.758	142.126.631.758	118.891.104.000	67.677.543.642	90.913.071.400	90.913.071.400
Trên 5 năm	8.165.130.000	8.165.130.000			8.165.130.000	8.165.130.000
Ngân hàng Ngoại thương An Giang	8.165.130.000	8.165.130.000			8.165.130.000	8.165.130.000
Cộng	517.075.407.558	517.075.407.558	118.891.104.000	129.976.793.642	528.161.097.200	528.161.097.200

Ghi chú: Chi tiết khoản vay dài hạn tại ngày kết thúc ngày 30/06/2016 như sau:

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất %/kỳ	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Á Châu An Giang	ING.DN149030614	60.000.000.000	48	11	DA Tân Hiệp	
	ANG.DN1500814	210.000.000.000	72	11	DA Bình Khánh	
Ngân hàng TMCP Bản Việt An Giang	003/2013	25.000.000.000	60	10	DA Tri Tôn	
Ngân hàng TMCP Liên Việt An Giang	015/2015/AG	100.000.000.000	60	12	DA Bình Khánh	
Ngân hàng Ngoại thương An Giang	108/2012	27.000.000.000	60	10	DA Hội An	
	37/2012	8.500.000.000	60	10	DA Trụ Sở	
	130/2012	75.000.000.000	120	10	KDC Ngọc Hầu	
	271/2012	10.000.000.000	60	10	Khu TD TT	
Ngân hàng TMCP Phương Đông An Gi	272/2013	30.000.000.000	36	11	DA Tri Tôn	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong An Gian	0274-10.14	25.000.000.000	35	11	DA Bình Khánh	

Thế chấp bằng tài sản hình thành từ dự án



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. PHẢI TRẢ KHÁC

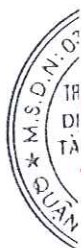
	30/06/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	91.591.704.605	56.978.712.455
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn	260.878.000	111.774.000
Bảo hiểm xã hội	310.960.422	333.769.701
Bảo hiểm y tế	23.273.500	102.564.221
Bảo hiểm thất nghiệp	20.178.643	23.734.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.109.159.090	1.205.435.425
Công ty CP Du Lịch Phát Triển Thủy Sản	34.000.000.000	
Trần Thụy Thanh Thảo	20.003.418.200	20.000.000.000
Vũ Đức Thảo	3.004.118.969	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.859.717.781	35.201.435.108
b) Dài hạn	2.724.499.019	3.027.537.019
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.724.499.019	3.027.537.019
Cộng	94.316.203.624	60.006.249.474

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	39.002.416.576	32.771.588.403
Doanh thu nhận trước		
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	39.002.416.576	32.771.588.403
b) Dài hạn	12.597.663.002	7.936.325.972
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	12.597.663.002	7.936.325.972
Cộng	51.600.079.578	40.707.914.375

c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng: không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

16 . 1. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

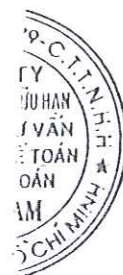
	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	1.072.877.400.000	45.057.080.000	23.304.431.230	4.971.647.795	120.995.887.650	10.503.450.465	1.277.709.897.140
Tăng vốn trong kỳ trước	1.072.877.400.000						1.072.877.400.000
Lãi trong kỳ trước					85.631.155.321	220.109.418	85.851.264.739
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	53.643.870.000		6.437.194.708				60.081.064.708
Tăng khác							1.202.100.054
Giảm vốn trong kỳ		(880.000)					(880.000)
Trích quỹ từ lợi nhuận							
Chia cổ tức					(7.918.659.377)		(7.918.659.377)
Thù lao hội đồng quản trị					(53.643.870.000)		(53.643.870.000)
Số dư đầu kỳ này	2.199.398.670.000	45.056.200.000	29.741.625.938	4.971.647.795	145.064.513.594	11.925.659.937	2.436.158.317.264
Tăng vốn trong kỳ							
Lãi trong kỳ					79.673.485.677	179.829.479	79.853.315.156
Tăng do trích từ lợi nhuận							5.859.618.104
Tăng khác			5.859.618.104				
Giảm trong kỳ							
Trích quỹ từ lợi nhuận					(7.324.522.630)		(7.324.522.630)
Chia cổ tức							
Số dư cuối kỳ này	2.199.398.670.000	45.056.200.000	35.601.244.042	4.971.647.795	217.413.476.641	12.105.489.416	2.514.546.727.894

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	<u>30/06/2016</u>	%	<u>01/01/2016</u>	%
16 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu				
Vốn góp của Nhà nước				
Vốn góp của các đối tượng khác	2.199.398.670.000	100,00%	2.199.398.670.000	100,00%
Cộng	<u>2.199.398.670.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>2.199.398.670.000</u>	<u>100,00%</u>
16 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận				
	<u>Kỳ này</u>		<u>Năm trước</u>	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:				
- Vốn góp đầu năm	2.199.398.670.000		1.072.877.400.000	
- Vốn góp tăng trong năm			1.126.521.270.000	
- Vốn góp giảm trong năm				
- Vốn góp cuối năm	2.199.398.670.000		2.199.398.670.000	
Cổ tức, lợi nhuận đã chia			53.643.870.000	
16 . 4. Cổ phiếu	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	219.939.867		219.939.867	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	219.939.867		219.939.867	
- Cổ phiếu phổ thông	219.939.867		219.939.867	
- Cổ phiếu ưu đãi				
Số lượng cổ phiếu được mua lại				
- Cổ phiếu phổ thông				
- Cổ phiếu ưu đãi				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	219.939.867		219.939.867	
- Cổ phiếu phổ thông	219.939.867		219.939.867	
- Cổ phiếu ưu đãi				
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu				
16 . 5. Các quỹ của công ty:	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
Quỹ đầu tư phát triển	35.601.244.042		29.741.625.938	
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp				
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.971.647.795		4.971.647.795	
17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
a) Ngoại tệ các loại	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
- Dollar Mỹ (USD)	54,316.09		11.913,00	
- Bảng Anh (EUR)				
b) Nợ khó đòi đã xử lý				



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
a) Doanh thu		
Doanh thu bất động sản	223.057.820.683	180.815.588.319
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.717.030.124	33.456.701.378
Doanh thu thương mại	197.995.909.668	188.309.161.647
Doanh thu thành phẩm khác		17.726.100.000
Doanh thu xây dựng	24.059.515.000	
Cộng	459.830.275.475	420.307.551.344

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2016
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI	Cty liên kết	174.649.485.350



02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Hàng bán bị trả lại	24.744.380.303	56.124.173.277
Cộng	24.744.380.303	56.124.173.277

03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Giá vốn của bất động sản	87.369.542.810	72.151.357.737
Giá vốn thương mại	191.043.809.646	185.431.319.457
Giá cung cấp dịch vụ	12.783.515.478	28.481.737.959
Giá vốn xây dựng	21.038.363.236	16.630.824.967
Cộng	312.235.231.170	302.695.240.120

04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.096.190.537	1.549.670.813
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.724.057	388.864.514
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.107.725.939	189.394.500
Hoàn nhập dự phòng		3.676.926.177
Cộng	3.208.640.533	5.804.856.004

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền vay	13.952.438.560	10.118.375.343
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	123.686.500	43.259.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.014.121.255	
Dự phòng đầu tư tài chính		(4.035.861.457)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	460.814.877	33.792.097
Chi phí tài chính khác		
Cộng	16.551.061.192	6.159.564.983

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
06 . 1. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	9.668.930.260	11.213.048.287
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.848.130.860	283.937.386
Các khoản chi phí bán hàng khác		
Cộng	11.517.061.120	11.496.985.673
06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nguyên, vật liệu	89.795.640	
Chi phí công cụ, dụng cụ	15.915.240.092	10.924.535.267
Chi phí nhân viên		
Chi phí khấu hao	57.993.516	715.849.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.233.829.894	9.468.548.130
Các khoản chi phí QLDN khác		
Cộng	32.296.859.142	21.108.933.087

07 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tiền phạt thu được	897.789.227	370.763.450
Thu nhập khác	108.633.520	400.173.089
Cộng	1.006.422.747	770.936.539

08 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Các khoản bị phạt	3.019.896	111.295.345
Các khoản khác	2.215.848.680	18.579.839
Cộng	2.218.868.576	129.875.184

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	358.203.287.512	139.855.636.591
Chi phí nhân công	41.755.762.912	14.259.870.719
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.056.684.918	3.896.202.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.749.896.832	5.252.198.695
Chi phí khác bằng tiền	4.076.591.342	2.630.051.284
Cộng	421.842.223.516	165.893.959.358

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	22.620.479.416	7.260.392.202
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.620.479.416	7.260.392.202

11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LOẠI

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Chi phí thuế TNDN hoãn loại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(4.948.286.867)	(1.635.931.083)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(4.948.286.867)	(1.635.931.083)

12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	79.673.485.677	24.950.967.041
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	219.939.867	107.085.695
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	362	233

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

13 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu

	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông		24.950.967.041
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm		5.364.387
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm		107.287.740
Lãi suy giảm trên cổ phiếu		<u>221</u>

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ 6 tháng đầu năm 2016
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 603.356.175.275

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ: 6 tháng đầu năm 2016
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 645.110.019.848

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03 . Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	2.275.600.000	2.004.139.429
Tiền lương	1.869.600.000	1.722.139.429

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	Công ty liên doanh liên kết

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia		
	- Bán cá nguyên liệu	8.045.154.708
	- Bán thành phẩm bột cá	142.236.618.942
	- Cá Tra fillet Xuất Khẩu - Ủy thác IDI xuất khẩu	24.367.711.700
	- Mua nguyên liệu chế biến thức ăn cho cá	35.939.486.371
	- Mua cá Tra nguyên liệu	27.816.127.057
	- Ứng trước tiền tổng thầu - Nhà máy thức ăn	259.254.399.500
	- Chi hộ phí hoa hồng	105.009.600
	- Chi hộ phí ủy thác xuất khẩu	228.541.057
	- Chi hộ tiền bảo hiểm	845.000
	- Chi hộ phí gia công nuôi cá	2.393.078.753

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia		
	Tiền bán thức ăn cho cá	88.298.115.487
	Tiền bán cá nguyên liệu	8.045.154.708

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia		
	Mua nền Bình Khánh	41.600.000
	Tiền chi hộ phí hoa hồng	14.436.114.714
	Tiền gia công cá nguyên liệu	2.393.078.753
	Tiền nguyên liệu thức ăn	35.939.486.371
	Tiền bảo hiểm chi hộ	845.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

04 . Thông tin bộ phận

a. Khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo bộ phận theo các khu vực như sau:

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

6 tháng đầu năm 2016

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài

Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận

Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế TNDN**Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác****Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn**

	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng
	206.593.272.334	195.740.399.169	32.752.223.669	435.085.895.172
	206.593.272.334	195.740.399.169	32.752.223.669	435.085.895.172
	110.850.301.610	9.005.917.669	2.994.444.723	122.850.664.002 (43.813.920.262)
				79.036.743.740
				3.208.640.533
				(16.551.061.192)
				33.043.630.453
				1.006.422.747
				(2.218.868.576)
				(22.620.479.416)
				4.948.286.867
				79.853.315.156
				3.549.551.182
				9.241.856.102



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

6 tháng đầu năm 2015

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ
Kết quả kinh doanh theo bộ phận
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh
Doanh thu hoạt động tài chính
Chi phí tài chính
Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết
Thu nhập khác
Chi phí khác
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
Lợi nhuận sau thuế TNDN
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

30/06/2016

Tài sản bộ phận	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng
Tài sản không phân bổ	1.338.544.809.782	1.639.798.242.664	752.744.662.347	3.731.087.714.793
Tổng tài sản	1.338.544.809.782	1.639.798.242.664	752.744.662.347	4.304.822.657.043
Nợ phải trả bộ phận	617.086.977.513	560.918.324.980	66.196.589.142	1.244.201.891.635
Nợ phải trả không phân bổ				546.074.037.514
Tổng nợ phải trả	617.086.977.513	560.918.324.980	66.196.589.142	1.790.275.929.149

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	993.239.411.300	492.267.627.801	660.385.343.861	2.145.892.382.962
Tài sản không phân bổ				1.762.609.551.601
Tổng tài sản	993.239.411.300	492.267.627.801	660.385.343.861	3.908.501.934.563
Nợ phải trả bộ phận	456.580.590.612	35.884.001.918	7.432.169.801	499.896.762.331
Nợ phải trả không phân bổ				972.446.854.968
Tổng nợ phải trả	456.580.590.612	35.884.001.918	7.432.169.801	1.472.343.617.299

01/01/2016

Tài sản bộ phận
Tài sản không phân bổ
Tổng tài sản
Nợ phải trả bộ phận
Nợ phải trả không phân bổ
Tổng nợ phải trả

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

6 tháng đầu năm 2016

Chi tiêu	Bất động sản	Xây dựng	Thương mại, dịch vụ	Doanh thu khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	198.313.440.380	24.059.515.000	197.995.909.668	14.717.030.124	435.085.895.172
Tài sản bộ phận	1.552.799.444.493	541.173.036.509	272.253.501.910	1.364.861.731.881	3.731.087.714.793
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					

6 tháng đầu năm 2015

Chi tiêu	Bất động sản	Xây dựng	Thương mại, dịch vụ	Doanh thu khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	124.691.415.042	-	188.309.161.647	51.182.801.378	364.183.378.067
Tài sản bộ phận	1.212.817.453.031	119.451.993.474	104.359.954.140	709.262.982.317	2.145.892.382.962
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

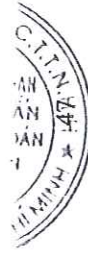
05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách		Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	30/06/2016	01/01/2016				
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	408.201.605.344	472.339.566.075		472.339.566.075		472.339.566.075
Phải thu khách hàng	467.918.103.496	362.280.763.909		362.280.763.909		362.280.763.909
Trả trước cho người bán	481.098.116.181	1.031.044.021.159		1.031.044.021.159		1.031.044.021.159
Các khoản phải thu khác	228.151.283.434	179.910.469.822		179.910.469.822		179.910.469.822
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.310.000.000					
Đầu tư tài chính dài hạn	870.050.194.174	(2.031.126.510)	(2.031.126.510)	310.885.253.856	(32.587.954)	310.885.253.856
Cộng	2.467.729.302.629	(2.031.126.510)	(2.031.126.510)	2.356.460.074.821	(32.587.954)	2.356.460.074.821
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	206.059.371.951	91.682.699.532		91.682.699.532		91.682.699.532
Người mua trả tiền trước	449.078.190.339	262.021.416.318		262.021.416.318		262.021.416.318
Vay và nợ	948.666.868.833	990.420.713.406		990.420.713.406		990.420.713.406
Các khoản phải trả khác	94.316.203.624	60.006.249.474		60.006.249.474		60.006.249.474
Cộng	1.698.120.634.747	1.404.131.078.730		1.404.131.078.730		1.404.131.078.730
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ảnh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.						

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.



11/2/16 15/1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

30/06/2016	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	206.059.371.951			206.059.371.951
Người mua trả tiền trước	449.078.190.339			449.078.190.339
Vay và nợ	431.591.461.275	508.910.277.558	8.165.130.000	948.666.868.833
Các khoản phải trả phải nộp khác	91.591.704.605			91.591.704.605
Cộng	1.178.320.728.170	508.910.277.558	8.165.130.000	1.695.396.135.728

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chi tiêu	30/06/2016	01/01/2016
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.316,09	11.913,00
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	4.688.343,00	
Các khoản phải thu khác		
Phải trả cho người bán	1.368.613	
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	6.111.272,09	11.913,00

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	30/06/2016	01/01/2016
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	2.721.960.589	5.348.937
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	(2.721.960.589)	(5.348.937)

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
Các khoản phải thu		
Hàng tồn kho	276.207.467.811	654.669.012.000
Tài sản cố định hữu hình	30.529.797.811	9.230.790.000
Quyền sử dụng đất	11.759.577.189	4.493.999.999
Cổ phiếu	145.080.000.000	

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

07 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng 06 tháng đầu năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015 đã được soát xét bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Người lập biểu

NGÔ THỊ TỐ NGÂN

Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG SANG

Long Xuyên, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc



LÊ THANH THUẬN

